

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2022-2023

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Mầm non 1 xây dựng kế hoạch thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2022 - 2023 như sau:

I. MỤC TIÊU THỰC HIỆN CÔNG KHAI

1. Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục:

Mức độ về sức khỏe, năng lực, hành vi mà trẻ em sẽ đạt được, chương trình giáo dục, các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục của trường (theo Biểu mẫu 01).

b. Chất lượng giáo dục thực tế:

Công khai số cháu, số trẻ em khuyết tật học hòa nhập, số cháu bán trú, kết quả phát triển sức khỏe của trẻ, số trẻ học có sự phân chia theo nhóm tuổi (theo Biểu mẫu 02).

c. Kiểm định nhà trường:

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a. Cơ sở vật chất:

Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số

lượng các thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (theo Biểu mẫu 03).

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo

3. Công khai thu chi tài chính

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội. - Công khai kết quả kiểm toán (nếu có).

- Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức công khai:

- Niêm yết công khai tại nhà trường.
- Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện Cha mẹ học sinh.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2021-2022 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2022-2023.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

- Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2022-2023 của trường Mầm non 1 ./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT;
- Công khai bản tin trường;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Thanh Thảo

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN Q.TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 1

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	97%	100%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	100%	100%
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	100%	100%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	100%	100%

Tân Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG
MẦM NON
1

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

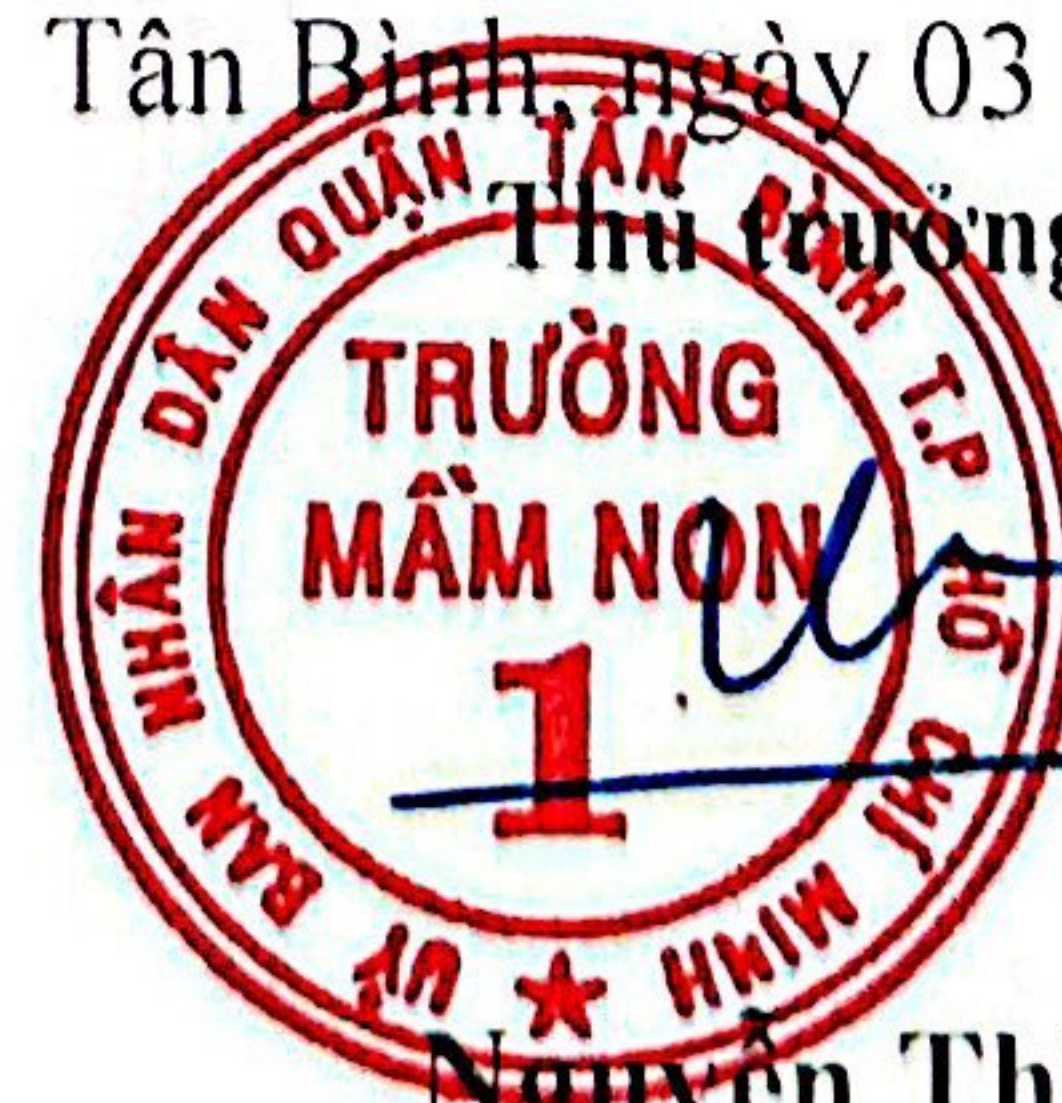
ỦY BAN NHÂN DÂN Q.TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 1

THÔNG BÁO Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022 – 2023

S T T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	154	0	09	22	40	34	49
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	154	0	09	22	40	34	49
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bàn trú	154	0	09	22	40	34	49
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	154	0	09	22	40	34	49
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	154	0	09	22	40	34	49
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	144		08	22	40	31	43
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	01	0	0	0	0	01	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	154	0	09	22	40	34	48
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	01	0	0	0	0	0	01
5	Số trẻ thừa cân béo phì	08	0	01	0	0	02	05
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	31		09	22			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	123				40	34	49

Tân Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2022

Thư trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thanh Thảo

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN Q.TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 1

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non

Năm học 2022 -2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	6	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	6	-
1	Phòng học kiên cố	6	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	471,8	2.06
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	122,0	0,55
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	52	0,22
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	360,0	1,64
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	65,5	0,3
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	110	0,48
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	52	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	66	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	02 bộ/ nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	47	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	42	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	7	1
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	10	1
3	Máy phô tô	1	
5	Catsset	1	
6	Đầu Video/đầu đĩa	6	1
7	Thiết bị khác: Vi tính, máy chiếu, bảng tương tác	15	1
8	Đồ chơi ngoài trời (bộ)	36	6
9	Bàn ghế đúng quy cách	270	45

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN Q.TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 1

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023**

ST T	Nội dung	Tôn g số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	Đ H	C Đ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	TB	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	22													
I	Giáo viên	12			9	3			0	6	6	7	5		
1	Nhà trẻ	4			3	1			0	2	2	2	2		
2	Mẫu giáo	8			6	2				4	4	5	3		
II	Cán bộ quản lý	2		2							2	2			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1		1							1	1			
III	Nhân viên	8					3								
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác (cấp dưỡng, bảo vệ, phục vụ)	6					1								
..	..														

Tân Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Thảo